

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST

Ngày: 07/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị H - sinh năm 1973, tại Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc T và bà Nguyễn Thị H; chồng là Phạm Văn L và 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đi chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến từ ngày 22/7/2018 đến ngày 09/6/2021 trích xuất về tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Khương Viết T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Anh Trịnh Bá C, sinh năm 1972.

ĐKKHKT: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Năm 2016 Lê Thị H nợ chị Đinh Thị H1 ở phường Tân Bình, thành phố Hải Dương số tiền khoảng 4.000.000.000đ. Năm 2017 do chị H1 nhiều lần đòi tiền nhưng H không có tiền trả nên đã nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương để bán lấy tiền trả nợ cho chị H1. H nói với chị H1 có 02 thửa đất ở xã T, huyện T cần bán. Chị H1 tin tưởng và giới thiệu cho anh rể là Khương Viết T - sinh năm 1974 ở huyện T, tỉnh Hải Dương đang có nhu cầu mua. Ngày 06/7/2017, anh T rủ anh Nguyễn Đăng V (chồng chị H1) đến xem thực tế 02 thửa đất của H. Do 02 thửa đất không có thật nên H dẫn anh T, anh Việt đến nhà chị Nguyễn Thị Bằng ở thôn Hạ Vĩnh, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và nói dối đây là thửa đất của mình cần bán, thửa đất còn lại H không dẫn anh T đi xem mà chỉ nói gần xưởng may của H. Vài ngày sau H và anh T thỏa thuận mua bán 02 thửa đất với giá 1.350.000.000đ (một tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng). Để có giấy tờ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T, khoảng giữa tháng 7/2017 H gặp Trịnh Bá C là chủ hiệu photocopy tại số 2B, Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương thuê C làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn Phúc Giới, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và một số giấy tờ liên quan kèm theo, H nói với C là để chứng minh năng lực tài C với các đối tác người Hàn Quốc, C đồng ý. H đưa mẫu cho C gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản xác minh hiện trạng đất; trích lục bản đồ địa C; Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; nhờ C lấy mẫu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trên mạng internet. Trên các giấy tờ này đã có hình dấu của UBND huyện Thanh Hà, UBND xã T, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Hà và dấu chức danh của bà Nguyễn Thị T1 - Phó chủ tịch UBND huyện huyện T, ông Lê Quý L - Giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, ông Lê Văn H2 - Phó chủ tịch UBND xã T. Từ các mẫu này, C sử dụng máy Scan quét hình ảnh lưu vào máy tính và sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh, chỉnh sửa nội dung theo yêu cầu của H gồm: Thay đổi tên người sử dụng, diện tích, số seri, số thửa, tờ bản đồ, ngày, tháng, năm cấp, xóa chữ ký của người có thẩm quyền....sau đó dùng máy in phun màu in ra bản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, các giấy tờ kèm theo có hình dấu đỏ, dấu chức danh của người có thẩm quyền giống như bản C. Khi C hoàn chỉnh xong các bản trên thì H ký giả vào các chữ ký của bà Lê Thị T, ông Lê Quý L, ông Lê Văn H2, H nhờ C viết hộ trực tiếp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mục "VI-Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Sau đó Trịnh Bá C giao cho Lê Thị H các giấy tờ, tài liệu đã giả gồm: 01 Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AD 985657, diện tích 190,8m², thửa đất số 126B, tờ bản đồ 26 mang tên người sử dụng là Lê Văn H2, sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn Phúc Giới, xã T, huyện T, kèm theo tờ ghi mục "VI-Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", tại mục này C đã viết các nội dung "Ngày 15/7/2008, số 36. vv cho phép bà Lê Thị H, sinh năm 1973, số CMND 141616053 được nhận quyền sử dụng đất 190,8m² (một trăm chín mươi phẩy tám mét vuông) thuộc thửa số 126B, tờ bản đồ 26 của ông Lê Văn H2 theo hợp đồng số 05 ngày 15/7/2007"; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 985455, diện tích 1394m², thửa đất 124C, tờ bản đồ 25 mang tên người sử dụng bà Lê Thị H3, sinh năm 1939 ở huyện T, kèm theo ghi mục "VI-Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" C đã viết thêm với nội dung "Ngày 03/3/2008, số 35 vv cho phép bà Lê Thị H, SN 1973, số CMND 141616053 cấp ngày 25/10/2007 được sử dụng 1394m² (một nghìn ba trăm chín mươi tư mét vuông), thửa số 124C, tờ bản đồ 25 của bà Lê Thị H3, số 03 ngày 03/3/2008"; 02 Biên bản xác định hiện trạng, hình thể, kích thước, vị trí, khu vực, loại đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất; 02 trích lục bản đồ địa C; 02 đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; 02 đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Sau khi nhận được tài liệu, H đã trả cho C 2.250.000đ tiền công.

Ngày 17/7/2017, H hẹn anh T đến Văn phòng công chứng Đ thành phố Hải Dương làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất trên. Để giảm tiền nộp thuế thu nhập cá nhân khi làm thủ tục chuyển nhượng, H và anh T thống nhất ghi giá trị chuyển nhượng mỗi thửa đất trong hợp đồng công chứng là 200.000.000đ. Tại Văn phòng công chứng Đ có mặt H, anh T, chị H1, sau khi ký hợp đồng xong anh T trả cho H 1.350.000.000đ. Do còn nợ tiền chị H1 nên H và chị H1 đã thống nhất, anh T đưa trực tiếp cho chị H1 1.000.000.000đ và đưa cho H 350.000.000đ, H nhận tiền và đưa luôn cho chị H1 30.000.000đ tiền lãi, việc giao nhận tiền trực tiếp không viết giấy tờ gì. Đối với số tiền còn lại H cầm sử dụng cá nhân hết. Ngày 22/12/2017 anh T cầm 02 bộ hồ sơ trên đến bộ phận một cửa của huyện Thanh Hà làm thủ tục đăng ký chuyển nhượng thì được biết toàn bộ giấy tờ trên là giả nên có đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Hà.

Vụ thứ hai: Đầu năm 2018 thông qua anh Nguyễn Quang H4 là trưởng phòng kinh doanh khách hàng của Ngân hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Hải Dương, H đã quen biết anh Hà Đăng K, sinh năm 1984 ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã đưa ra thông tin là cần tiền để đáo hạn ngân hàng, do vậy H hỏi vay tiền anh K, anh K

giới thiệu H với anh Nguyễn Đức S - sinh năm 1978 ở thành phố Hải Dương là người có tiền cho vay. Ngày 29/01/2018, tại văn phòng xưởng giấy vụn của anh K ở khu công nghiệp Đại An, H gặp anh S và đặt vấn đề vay số tiền 3.400.000.000đ, thời gian vay 02 ngày để đáo hạn ngân hàng (thực chất H không nợ ngân hàng nào số tiền này), H cam đoan sau khi ngân hàng giải ngân sẽ trả tiền cho anh S cả gốc và lãi theo thỏa thuận. Để tạo sự tin tưởng, H cho anh K, anh S số điện thoại 0904325738 của mình và nói dối là của Lê Thị Hồng D nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex (gọi tắt PGBank) - chi nhánh Hải Dương, phụ trách khoản vay đáo hạn của H. H đến nhờ Trịnh Bá C làm một chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Thị Hồng D. C đồng ý và sử dụng mạng internet tải bản mẫu chứng minh nhân dân và ảnh của một người phụ nữ về máy tính rồi đánh nội dung, số, họ tên, địa chỉ...trên máy tính rồi in ra cho H. Chứng minh nhân dân giả này chỉ làm một mặt trước được dán ảnh, không có mặt sau. H sử dụng điện thoại di động chụp lại rồi gửi qua ứng dụng của điện thoại cho anh K, sau đó xé bỏ ngay tại quán photocopy của C. Tin tưởng các thông tin H đưa ra là có thật nên ngày 31/01/2018, anh S đồng ý cho H vay tiền và hẹn H đến ngân hàng PGBank - chi nhánh Hải Dương để làm thủ tục đáo hạn cho H. Khi đến nơi, anh S yêu cầu H phải có bản cam kết giải ngân và khế ước nhận nợ của PGBank - chi nhánh Hải Dương thì mới cho vay tiền. H tiếp tục thuê Trịnh Bá C làm 02 giấy tờ này. H đưa cho C bản mẫu là Bản cam kết giải ngân thật và có hình dấu của PGBank-chi nhánh Hải Dương và dấu chức danh của ông Lê Văn Phú giám đốc chi nhánh là tài liệu thật. Bằng các phương pháp, cách thức như trước, C đã làm giả cho H 01 biên bản Cam kết giải ngân của PGBank-chi nhánh Hải Dương, ghi ngày 31/01/2018, nội dung "cam kết thanh toán cho ông: Nguyễn Văn Tuấn, số CMND141898255, địa chỉ: phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, số tài khoản 2301205024495 để thanh toán tiền hàng cơ sở may Lê Thị H đã mua nguyên, phụ liệu của ông Nguyễn Văn Tuấn"; 01 bản khế ước nhận nợ số tiền 3.570.000.000đ, ghi ngày 30/01/2018, bên vay là Lê Thị H, bên cho vay là PGBank-chi nhánh Hải Dương; H trả công cho C 500.000đ. Sau đó H đưa các tài liệu trên cho anh S xem, anh S tin tưởng nên đã đồng ý và bảo H viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỉ đồng). Khi đến ngân hàng đúng giờ nghỉ trưa nên H hẹn anh K, Sơn chiều cùng ngày đến Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt Vietcombank)-chi nhánh Hải Dương chuyển tiền. Tại đây, H cung cấp cho anh S số tài khoản của mình là 6607040825799 mang tên cơ sở may Lê Thị H ở Thanh Bính, Thanh Hà, Hải Dương của PGBank-Chi nhánh Hải Dương để chuyển tiền. Anh S đã thực hiện chuyển số tiền 2.980.000.000đ (Hai tỉ chín trăm tám mươi triệu đồng) cho H vay vào tài khoản nêu trên, hẹn hôm sau chuyển nốt số tiền còn lại. H

đồng ý. Sáng ngày 01/02/2018 H đến ngân hàng PGBank - chi nhánh Hải Phòng rút toàn bộ số tiền trên và đến nhà anh S đề nghị chuyển nốt số tiền 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) để ngân hàng giải ngân. Tại nhà anh S, H đã viết giấy nhận nợ số tiền này. Đến chiều cùng ngày, H nhận được tin nhắn báo trong tài khoản đã có tiền nên đã đến ngân hàng PGBank-chi nhánh Hải Phòng rút hết số tiền 420.000.000đ. Toàn bộ số tiền của anh S, H đã chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Tại bản kết luận giám định số 951/C54-P5 ngày 27/4/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an xác định:

- Mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD985657 mang tên Lê Văn H2 ghi ngày 20/5/2006 kèm theo tờ ghi "VI-những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" (ký hiệu A1) và mẫu in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD985455 mang tên Lê Thị H3 ghi ngày 18/6/2007 kèm theo tờ ghi "VI-những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"(ký hiệu A2) là các mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung: "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ T.HẢI DƯƠNG" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các bản mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu chức danh "PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN THỊ T" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu chức danh "PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN THỊ T" trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình mẫu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ Q.S.D ĐẤT H.THANH HÀ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M12 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Lê Quý L trên tờ ghi "VI-Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" kèm theo mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Lê Quý L trên các mẫu so sánh ký hiệu M13, M14, M15 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu chức danh "GIÁM ĐỐC LÊ QUÝ L" trên tờ ghi "VI-Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" kèm theo mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu chức danh "GIÁM ĐỐC LÊ QUÝ L" trên mẫu so sánh ký hiệu M13, M14, M15 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D XÃ THANH BÌNH H.THANH HÀ HẢI DƯƠNG" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A10 so với hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D XÃ THANH BÌNH H.THANH HÀ HẢI DƯƠNG" trên mẫu so sánh ký hiệu M11 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình mẫu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Lê Văn H2 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A10 so với chữ ký mang tên Lê Văn H2 trên mẫu so sánh ký hiệu M9 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu chức danh "PHÓ CHỦ TỊCH LÊ VĂN H2" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A10 so với hình dấu chức danh cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M10 không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu cần giám định là các hình dấu giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận giám định số 75 ngày 18/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã xác định:

Dấu vân tay trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/7/2017 của Văn phòng công chứng Thành Đô, chuyển nhượng 02 thửa đất số 126B, tờ bản đồ số 26 và thửa đất số 124C, tờ bản đồ số 25. In tại bên chuyển nhượng cùng chữ ký và họ tên người ký là Lê Thị H (mẫu cần giám định) so với dấu vân tay ngón trỏ phải trong tờ khai Chứng minh nhân dân số 141.616.053 và phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân, họ tên Lê Thị H, sinh ngày 02/12/1973, nơi thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương trong (mẫu so sánh) ghi trên là của cùng một người.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 49 ngày 20/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chữ viết đứng tên Lê Thị H trên các tài liệu cần giám định gồm: 02 Biên bản xác định hiện trạng, hình thể, kích thước, vị trí, khu vực, loại đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 02 trích lục bản đồ địa C; 02 đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; 02 đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 01 giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân với chữ viết cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị H trên các tài liệu cần giám định gồm: 02 biên bản xác định hiện trạng, hình thể, kích thước, vị trí, khu vực, loại đất, nhà ở và tài sản khác; 02 đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, 02 đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "UBND xã T, huyện T, Hải Dương" trên tài liệu cần giám định (01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân) với hình dấu tròn có cùng một nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký, hình dấu chức danh mang tên "Phó chủ tịch Lê Văn H2" trên tài liệu cần giám định Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với chữ ký, hình dấu chức danh cùng tên trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 22 ngày 21/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chữ viết đứng tên Lê Thị H trên 02 giấy vay tiền kiêm nhận nợ với chữ viết cùng tên trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra;

- Chữ ký đứng tên Lê Thị H trên 02 giấy vay tiền kiêm nhận nợ và khế ước nhận nợ với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra;

- Chữ ký đứng tên "giám đốc Lê Văn P" trên biên bản cam kết và khế ước nhận nợ với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra;

- Hình dấu tròn có nội dung "Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex chi nhánh Hải Dương" trên biên bản cam kết và khế ước nhận nợ với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 27 ngày 19/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận.

- Chữ viết trên giấy rút tiền ngày 01/2/2018 tại PGBank - Chi nhánh Hải Phòng (ký hiệu A5) với chữ viết đứng tên Lê Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra;

- Chữ ký đứng tên Lê Thị H trên các tài liệu cần giám định là hợp đồng mở tài khoản tại PGBank - Chi nhánh Hải Dương (ký hiệu từ A1 đến A5) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra;

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 4443/C09-P5 ngày 31/8/2018 của

Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Chữ viết có trong tờ ghi mục "VI-những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AD 985657 và AD 985455 so với chữ viết của Trịnh Bá C trong mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Hà và UBND xã Thanh Bính xác định: 02 thửa đất có giấy chứng nhận số AD 985657 và AD 985455 không có tên trên bản đồ địa C xã Thanh Bính, không có thật trên thực tế.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Khương Viết T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.350.000.000đ, anh Nguyễn Đức S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.400.000.000đ.

Tại Bản án số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương đã xét xử và quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Trịnh Bá C phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Lê Thị H 20 (hai mươi) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Lê Thị H 2 (hai) năm 5 (năm) tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị H 3 (ba) năm 3 (ba) tháng tù về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung buộc Lê Thị H phải chấp hành 25 (hai mươi lăm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/7/2018.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trịnh Bá C 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức S số tiền là 3.400.000.000đ (Ba tỉ bốn trăm triệu đồng), trừ với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) do chị Lê Thị Hải nộp thay Lê Thị H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu tiền số AA/2011/07539 ngày 09/01/2019. Bị

cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức S số tiền 3.390.000.000đ (Ba tỉ ba trăm chín mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Thị H phải bồi thường cho anh Khương Viêt T số tiền là 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Đối trừ với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) do chị Lê Thị H5 nộp thay Lê Thị H tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu tiền số AA/2011/07539 ngày 09/01/2019. Bị cáo còn phải bồi thường cho anh Khương Viêt T 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, lãi xuất chậm trả án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 18/9/2020 Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương, phần tội danh và quyết định hình phạt về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” đối với bị cáo Lê Thị H, do việc áp dụng pháp luật không C xác. Đề nghị TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Lê Thị H để xét xử lại về một tội danh: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 341 BLHS và áp dụng một hình phạt cho tội danh trên.

Theo Quyết định giám đốc thẩm số 53/2020/HS-GĐT ngày 14/12/2020, Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 25/QĐ-VC1-HS ngày 18/9/2020 của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương về phần định tội danh và quyết định hình phạt về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” để điều tra lại về một tội danh: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 BLHS và áp dụng một hình phạt cho tội danh trên đối với bị cáo Lê Thị H. Chuyển hồ sơ vụ án cho VKSND cấp cao tại Hà Nội để điều tra lại theo thủ tục chung.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 26/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (VKSND) truy tố bị cáo Lê Thị H về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H xác định Cáo trạng truy tố bị cáo là C xác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS đề nghị xử phạt bị cáo H từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2018. Về án phí: Bị cáo Lê Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của C bị cáo, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 7/2017, tại quán photocopy có địa chỉ tại số 2B, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, Lê Thị H đã cung cấp cho Trịnh Bá C các mẫu giấy tờ về Quyền sử dụng đất, thông tin cá nhân và thuê C là giả những tài liệu sau: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 985657, diện tích 190,8m², thửa đất số 126B, tờ bản đồ 26; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 985455, diện tích 1394m², thửa đất 124C, tờ bản đồ 25; 02 Biên bản xác định hiện trạng, hình thể, kích thước, vị trí, khu vực, loại đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất; 02 trích lục bản đồ địa C; 02 đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; 02 đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. H đã trả cho C số tiền 2.250.000đ. Sau khi có những giấy tờ giả trên, ngày 17/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thành Đô địa chỉ 90 đường Thống Nhất, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, H sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và các giấy tờ giả kèm theo làm thủ tục công

chứng chuyển nhượng 02 thửa đất không có thật cho anh Khương Viết T để chiếm đoạt 1.350.000.000đ.

[2.2] Vụ thứ hai: Ngày 31/01/2018, tại quán photocopy có địa chỉ tại số 2B, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, Lê Thị H đã cung cấp cho Trịnh Bá C các mẫu giấy tờ vay vốn ngân hàng, cung cấp thông tin cá nhân và thuê C làm giả: 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Hồng Điệp; giả 01 biên bản cam kết giải ngân của Ngân hàng PGBank, 01 bản khế ước nhận nợ số tiền 3.570.000.000đ. H đã trả công cho C là 500.000đ. Sau khi có những giấy tờ trên, ngày 31/01/2018 và 01/02/2018, H đã nói dối anh Nguyễn Đức S cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng và đưa cho anh S xem các giấy tờ giả, anh S tin tưởng nên đã giao cho H vay số tiền 3.400.000.000đ. Sau đó H rút hết số tiền trên rồi bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh và đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân.

[3] Như vậy, Bị cáo Lê Thị H cùng Trịnh Bá C làm giả 02 lần với tổng cộng 13 con dấu, tài liệu, trực tiếp viết, ký giả vào chỗ người có thẩm quyền ký. Đồng thời, bị cáo H trực tiếp sử dụng con dấu, tài liệu giả để phạm tội đặc biệt nghiêm trọng là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS. Hành vi của bị cáo H là liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên đủ yếu tố cấu thành Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo H và bị cáo C đều thực hiện một hành vi vào tháng 7/2017 (thời điểm BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật) và một hành vi vào tháng 01/2018 (thời điểm BLHS 2015 có hiệu lực pháp luật), BLHS năm 2015 có lợi hơn đối với bị cáo, do vậy cần áp dụng BLHS năm 2015 để xét xử đối với bị cáo H là phù hợp.

[4] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 4.750.000.000đ của bị cáo H phạm tội theo điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS; hành vi của bị cáo Trịnh Bá C làm giả 02 lần với tổng cộng 13 con dấu, tài liệu, trực tiếp viết, ký giả vào chỗ người có thẩm quyền ký đã được TAND tỉnh Hải Dương xét xử theo Bản án số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 nên không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về vị trí vai trò của bị cáo H: Trong vụ án bị cáo H là người đề xuất làm giả các tài liệu, con dấu, trực tiếp ký và nhờ C viết vào các tài liệu, sau đó H sử dụng các tài liệu trên để thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên H giữ vai trò thứ nhất; C là người thực hành và có vai trò thứ hai.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H nhiều lần làm giả và sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 của BLHS. Tuy nhiên, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[7] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo H và tổng hợp hình phạt của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Do vụ án bị hủy một phần và bị cáo đã phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo bản án số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm trong vụ án này.

[9] Về dân sự, vật chứng, án phí dân sự đã được giải quyết theo bản án số 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương nên không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị H** phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 5 (năm) năm tù.

Tổng hợp với **20** (hai mươi) năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Thị H theo Bản án 01/2019/HSST ngày 15/01/2019 của TAND tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo Lê Thị H phải chấp hành **25** (hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/7/2018.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thị H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- CQCSĐT-CA tỉnh Hải Dương;
- CQTHA hình sự - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, Văn phòng.

Vũ Thanh Tuấn